ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC SỬ DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TẠO SINH ĐẾN ĐỘNG LỰC VÀ NĂNG LỰC TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC

Nguyễn Thị Nhàn
Trường Đại học Thành Đông
Email: nhannt@thanhdongedu.vn

Tóm tắt: *Trí tuệ nhân tạo tạo sinh đang mở ra những phương thức mới trong học tập đại học, đồng thời đặt ra yêu cầu đánh giá ảnh hưởng của công nghệ đối với động lực và năng lực tự học của sinh viên. Bài viết xây dựng khung phân tích mối quan hệ giữa mức độ sử dụng, nhận thức tính hữu ích, năng lực sử dụng trí tuệ nhân tạo, hỗ trợ của giảng viên, động lực học tập và năng lực tự học. Phân tích dữ liệu mô phỏng cung cấp kết quả minh họa cho mô hình nghiên cứu và gợi mở một số giải pháp ứng dụng công nghệ có trách nhiệm.*

Từ khóa: *Trí tuệ nhân tạo tạo sinh; động lực học tập; năng lực tự học; sinh viên đại học; giáo dục đại học.*

THE IMPACT OF USING GENERATIVE ARTIFICIAL INTELLIGENCE ON THE MOTIVATION AND SELF-DIRECTED LEARNING CAPACITY OF UNIVERSITY STUDENTS

Abstract: *Generative artificial intelligence is introducing new approaches to university-level learning, while simultaneously necessitating an assessment of its impact on students' motivation and capacity for self-directed learning. This paper develops an analytical framework examining the relationships among the level of usage, perceived usefulness, proficiency in using artificial intelligence, instructor support, learning motivation, and self-directed learning capacity. An analysis of simulated data provides illustrative results for the research model and suggests strategies for the responsible application of this technology.*

Keywords: *Generative artificial intelligence; learning motivation; self-directed learning capacity; university students; higher education.*

Nhận bài: 17/09/2026 *Phản biện: 17/10/2026* *Duyệt đăng: 20/10/2026*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo tạo sinh (GenAI) đang làm thay đổi cách sinh viên tìm kiếm thông tin, tiếp cận tri thức, giải quyết nhiệm vụ và tổ chức hoạt động tự học. Công nghệ này có thể cung cấp giải thích, gợi ý và phản hồi nhanh, nhưng hiệu quả phụ thuộc vào cách sử dụng và năng lực tự chủ của người học. Việc sử dụng GenAI thường xuyên không đồng nghĩa với động lực học tập cao hoặc năng lực tự học được cải thiện. Vì vậy, cần làm rõ mối quan hệ giữa các yếu tố liên quan, từ đó đề xuất giải pháp phát huy lợi ích của GenAI trong giáo dục đại học.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận và phân tích mối quan hệ giữa việc sử dụng GenAI với động lực, năng lực tự học của sinh viên đại học

2.1.1. Cơ sở lý luận và mô hình nghiên cứu

GenAI là nhóm công nghệ trí tuệ nhân tạo có khả năng tạo ra nội dung mới như văn bản, hình ảnh, mã lập trình và các dạng thông tin khác dựa trên yêu cầu của người sử dụng. Trong giáo dục đại học, GenAI có thể hỗ trợ giải thích khái niệm, xây dựng câu hỏi luyện tập, gợi ý hướng giải quyết vấn đề, phản hồi bài viết và lập kế hoạch học tập. Tuy nhiên, đầu ra của công cụ không mặc nhiên chính xác, đầy đủ hoặc phù hợp với mục tiêu học tập. Do đó, giá trị giáo dục của GenAI cần được xem xét trong mối quan hệ với hoạt động nhận thức, khả năng kiểm chứng thông tin và mức độ chủ động của sinh viên. Về mặt lý luận, mô hình chấp nhận công nghệ nhấn mạnh vai trò của nhận thức tính hữu ích đối với thái độ và hành vi sử dụng công nghệ (Davis, 1989). Khi sinh viên nhận thấy GenAI giúp tiếp cận kiến thức hiệu quả hơn, tiết kiệm thời gian hoặc hỗ trợ hoàn thành nhiệm vụ, họ có thể có xu hướng sử dụng công cụ thường xuyên hơn. Tuy nhiên, nhận thức tính hữu ích không đồng nghĩa với hiệu quả học tập thực tế. Nếu sinh viên chỉ tiếp nhận câu trả lời có sẵn mà không phân tích, đối chiếu và tự giải quyết vấn đề, công nghệ có thể làm giảm cơ hội luyện tập tư duy độc lập. Động lực học tập phản ánh mức độ sẵn sàng, sự quan tâm và nỗ lực mà người học dành cho hoạt động học tập. Theo lý thuyết tự quyết, động lực có liên hệ với việc đáp ứng các nhu cầu tâm lý cơ bản, trong đó có tính tự chủ, năng lực và sự gắn kết (Ryan & Deci, 2000). GenAI có thể hỗ trợ tính tự chủ bằng cách cho phép sinh viên lựa chọn nội dung, tốc độ và cách thức học tập; đồng thời giúp người học cảm nhận rõ hơn khả năng

giải quyết nhiệm vụ thông qua giải thích và phản hồi kịp thời. Tuy nhiên, nếu việc học phụ thuộc quá mức vào công cụ, tính tự chủ có thể suy giảm, bởi sinh viên không còn chủ động xác định vấn đề và chịu trách nhiệm đối với quá trình học tập của mình. Năng lực tự học không chỉ là khả năng học tập độc lập mà còn bao gồm xác định mục tiêu, lập kế hoạch, lựa chọn nguồn lực, giám sát tiến độ, tự đánh giá và điều chỉnh phương pháp học. Zimmerman (2002) nhấn mạnh vai trò của quá trình tự điều chỉnh trong việc xác lập mục tiêu, theo dõi và đánh giá hoạt động học tập. Theo cách tiếp cận này, GenAI chỉ thực sự hỗ trợ phát triển năng lực tự học khi được sử dụng như một nguồn lực giúp người học tăng cường khả năng lập kế hoạch, kiểm tra mức độ hiểu và tự điều chỉnh, thay vì thay thế các hoạt động nhận thức cốt lõi. Từ những luận điểm trên, bài viết xây dựng mô hình gồm sáu cấu trúc: mức độ sử dụng GenAI (USE), nhận thức tính hữu ích (PU), năng lực sử dụng AI (AIL), hỗ trợ của giảng viên (SUP), động lực học tập (MOT) và năng lực tự học (SDL). Trong đó, USE phản ánh tần suất và mục đích sử dụng công cụ; PU thể hiện đánh giá của sinh viên về lợi ích học tập; AIL phản ánh khả năng đặt câu hỏi, kiểm tra độ chính xác và sử dụng AI có trách nhiệm; SUP thể hiện sự hướng dẫn của giảng viên; MOT và SDL lần lượt phản ánh động lực học tập và năng lực tự học. Mô hình định hướng ba nhóm quan hệ. Thứ nhất, USE, PU, AIL và SUP có thể liên hệ với MOT. Thứ hai, MOT, PU và AIL có thể liên hệ với SDL. Thứ ba, MOT được xem xét như một biến trung gian tiềm năng trong mối quan hệ giữa việc sử dụng GenAI và năng lực tự học. Các quan hệ này là giả thuyết nghiên cứu cần được kiểm định bằng dữ liệu phù hợp, không phải kết luận nhân quả được mặc nhiên thừa nhận.

2.1.2. Kết quả phân tích định lượng minh họa

Bộ dữ liệu trong tệp nghiên cứu gồm 217 quan sát mô phỏng, sử dụng thang Likert 1-5 và 24 biến quan sát thuộc sáu cấu trúc. Phân tích được thực hiện bằng thống kê mô tả, hệ số Cronbach's alpha, tương quan Pearson và hồi quy tuyến tính đa biến. Do dữ liệu là mô phỏng, các kết quả dưới đây chỉ minh họa quy trình phân tích và cách diễn giải kết quả; không đại diện cho sinh viên đại học ngoài thực tế.

Bảng 1. Thống kê mô tả các cấu trúc nghiên cứu

Cấu trúc	Số quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn
USE - Mức độ sử dụng GenAI	217	3,056	0,844
PU - Nhận thức tính hữu ích	217	3,070	0,825
AIL - Năng lực sử dụng AI	217	2,976	0,861
SUP - Hỗ trợ của giảng viên	217	3,100	0,870
MOT - Động lực học tập	217	3,031	0,883
SDL - Năng lực tự học	217	3,094	0,829

Nguồn: Tác giả tính toán từ bộ dữ liệu mô phỏng trong tệp nghiên cứu.

Kết quả ở Bảng 1 cho thấy điểm trung bình của các cấu trúc dao động từ 2,976 đến 3,100 trên thang đo năm mức. SUP có giá trị trung bình cao nhất (3,100), trong khi AIL thấp nhất (2,976). Chênh lệch không lớn, nhưng kết quả minh họa gợi ý rằng năng lực sử dụng AI có thể là nội dung cần được quan tâm, đặc biệt ở khả năng đặt câu hỏi rõ ràng, kiểm tra độ chính xác của câu trả lời và đánh giá mức độ phù hợp của thông tin với nhiệm vụ học tập. Tuy nhiên, không thể từ các giá trị này suy rộng rằng sinh viên đại học nói chung đang có năng lực sử dụng AI ở mức tương tự. Hệ số Cronbach's alpha của sáu cấu trúc lần lượt là USE = 0,818; PU = 0,812; AIL = 0,815; SUP = 0,840; MOT = 0,824 và SDL = 0,812. Trong bộ dữ liệu mô phỏng, các hệ số đều vượt ngưỡng tham khảo 0,70, cho thấy mức độ nhất quán nội tại có thể chấp nhận được trong phân tích minh họa. Dù vậy, độ tin cậy nội tại không đủ để khẳng định giá trị hội tụ, giá trị phân biệt hoặc chất lượng của mô hình đo lường. Khi sử dụng dữ liệu khảo sát thực tế, cần kiểm tra thêm cấu trúc thang đo bằng phân tích nhân tố khẳng định (CFA) hoặc mô hình phương trình cấu trúc bình phương tối thiểu từng phần (PLS-SEM), tùy mục tiêu và đặc điểm dữ liệu.

Bảng 2. Kết quả hồi quy tuyến tính đa biến minh họa

Biến phụ thuộc	Biến giải thích	Hệ số chưa chuẩn hóa (B)	Giá trị p
MOT	USE	0,215	0,001
MOT	PU	0,233	0,001
MOT	AIL	0,311	< 0,001
MOT	SUP	0,125	0,032
SDL	MOT	0,334	< 0,001
SDL	PU	0,070	0,303
SDL	AIL	0,093	0,158

Nguồn: Tác giả tính toán từ bộ dữ liệu mô phỏng. Các hệ số được ước lượng bằng hồi quy tuyến tính đa biến.

Trong mô hình giải thích MOT, bốn biến USE, PU, AIL và SUP có quan hệ cùng chiều với động lực học tập trong bộ dữ liệu mô phỏng. Mô hình có hệ số xác định $R^2 = 0,314$, nghĩa là các biến giải thích đưa vào mô hình giải thích khoảng 31,4% biến thiên của MOT trong mẫu mô phỏng. AIL có hệ số hồi quy lớn nhất trong bốn biến ($B = 0,311$; $p < 0,001$), tiếp theo là PU ($B = 0,233$; $p = 0,001$), USE ($B = 0,215$; $p = 0,001$) và SUP ($B = 0,125$; $p = 0,032$). Kết quả minh họa này gợi ý rằng năng lực sử dụng AI có thể là yếu tố đáng chú ý khi nghiên cứu động lực học tập. Sinh viên biết cách đặt câu hỏi phù hợp, kiểm tra thông tin và sử dụng công cụ có mục đích có thể chủ động hơn khi xử lý nhiệm vụ học tập. Tuy nhiên, do dữ liệu mô phỏng, không thể xem các hệ số này là bằng chứng thực nghiệm về ảnh hưởng của từng yếu tố trong thực tế. Đối với mô hình SDL, MOT có hệ số hồi quy dương và có ý nghĩa thống kê ($B = 0,334$; $p < 0,001$), trong khi PU và AIL chưa đạt ý nghĩa thống kê ở ngưỡng 5%. Mô hình có $R^2 = 0,193$, tức giải thích khoảng 19,3% biến thiên của SDL trong bộ dữ liệu mô phỏng. Kết quả này cho thấy động lực học tập là biến có liên hệ đáng chú ý với năng lực tự học trong mô hình được thiết lập. Ngược lại, việc nhận thức công cụ hữu ích hoặc có kỹ năng sử dụng AI chưa đủ để khẳng định sinh viên có năng lực tự học cao hơn nếu không xét đến quá trình duy trì mục tiêu, tự giám sát và tự đánh giá. Đây là cơ sở để đặt ra giả thuyết về vai trò trung gian của MOT, song cần kiểm định hiệu ứng gián tiếp bằng bootstrap trên dữ liệu thực tế trước khi đưa ra kết luận.

2.2. Giải pháp phát huy tác động tích cực của GenAI đối với động lực và năng lực tự học của sinh viên đại học

2.2.1. Phát triển năng lực sử dụng GenAI có trách nhiệm

Trước hết, cơ sở giáo dục đại học cần trang bị cho sinh viên năng lực sử dụng GenAI gắn với mục tiêu học tập, tư duy phản biện và trách nhiệm học thuật. Nội dung hướng dẫn không nên chỉ dừng ở thao tác kỹ thuật mà cần bao gồm cách xác định yêu cầu, đặt câu hỏi rõ ràng, cung cấp bối cảnh phù hợp, đánh giá câu trả lời và kiểm tra thông tin từ các nguồn đáng tin cậy. Sinh viên cần được hướng dẫn nhận diện những hạn chế của GenAI, bao gồm khả năng tạo thông tin sai lệch, trích dẫn không có thật hoặc đưa ra câu trả lời thiếu cập nhật. Trong từng học phần, giảng viên có thể thiết kế nhiệm vụ yêu cầu sinh viên trình bày câu hỏi đã sử dụng, đối chiếu câu trả lời của AI với tài liệu chuyên môn và giải thích cách lựa chọn phương án cuối cùng. Cách tổ chức này giúp chuyển trọng tâm từ việc nhận câu trả lời sang quá trình đánh giá và kiến tạo tri thức. Đồng thời, cần quy định rõ những trường hợp được phép sử dụng GenAI, yêu cầu công khai mức độ hỗ trợ của công cụ và những phần việc sinh viên phải tự thực hiện. Việc sử dụng AI cần tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu, quyền sở hữu trí tuệ và liêm chính học thuật.

2.2.2. Sử dụng GenAI để hỗ trợ động lực học tập, không thay thế nỗ lực của người học

Động lực học tập cần được nuôi dưỡng thông qua mục tiêu rõ ràng, nhiệm vụ phù hợp và phản hồi có giá trị. GenAI có thể hỗ trợ sinh viên chia nhỏ mục tiêu học tập, xây dựng lịch ôn tập, tạo câu hỏi luyện tập theo mức độ khó và giải thích những nội dung chưa hiểu. Khi được sử dụng đúng cách, các chức năng này có thể giúp người học nhận diện tiến bộ, giảm cảm giác quá tải và duy trì sự kiên trì trước nhiệm vụ khó. Tuy nhiên, giảng viên không nên thiết kế hoạt động học tập theo hướng sinh viên chỉ cần yêu cầu AI tạo sản phẩm hoàn chỉnh rồi nộp lại. Thay vào đó, nên tổ chức các nhiệm vụ theo tiến trình gồm xác định vấn đề, tự đưa ra phương án ban đầu, tham khảo gợi ý từ GenAI, kiểm chứng và hoàn thiện sản phẩm. Sinh viên cần giải thích lựa chọn của mình, chỉ ra phần nội dung đã điều chỉnh và phản ánh điều đã học được sau nhiệm vụ.

2.2.3. Phát triển năng lực tự học thông qua chu trình lập kế hoạch, giám sát và tự đánh giá

Năng lực tự học cần được hình thành bằng những hoạt động có mục tiêu và được duy trì

thường xuyên. Sinh viên nên được hướng dẫn xác định mục tiêu theo tuần hoặc theo học phần, lựa chọn tài liệu, phân bổ thời gian và xác lập tiêu chí đánh giá kết quả. GenAI có thể hỗ trợ xây dựng kế hoạch ban đầu, đề xuất câu hỏi tự kiểm tra hoặc gợi ý những nội dung cần ôn tập. Tuy nhiên, sinh viên phải tự xem xét tính khả thi của kế hoạch, theo dõi tiến độ và điều chỉnh theo kết quả thực tế. Một biện pháp phù hợp là yêu cầu sinh viên duy trì nhật ký tự học, ghi lại mục tiêu, nhiệm vụ đã hoàn thành, khó khăn gặp phải và cách xử lý. Khi sử dụng GenAI, sinh viên cần bổ sung thông tin về nội dung đã tham khảo, cách kiểm chứng và những điều rút ra sau quá trình học. Cuối mỗi chu kỳ, người học tự đối chiếu kết quả với mục tiêu ban đầu để nhận diện điểm mạnh, hạn chế và điều chỉnh kế hoạch tiếp theo. Việc đánh giá cần tập trung vào tiến bộ trong hiểu biết và khả năng vận dụng, không chỉ vào số lượng nhiệm vụ hoàn thành hoặc thời gian sử dụng công nghệ.

2.2.4. Nâng cao vai trò định hướng và phản hồi của giảng viên

Giảng viên giữ vai trò quan trọng trong việc thiết kế môi trường học tập mà ở đó GenAI được sử dụng phù hợp với mục tiêu giáo dục. Thay vì cấm đoán hoặc khuyến khích sử dụng công cụ một cách thiếu điều kiện, giảng viên cần xác định rõ nhiệm vụ nào có thể sử dụng AI, mức độ hỗ trợ được chấp nhận và tiêu chí đánh giá sản phẩm. Đối với các nhiệm vụ cần thể hiện năng lực cá nhân, có thể yêu cầu sinh viên trình bày quá trình thực hiện, giải thích quyết định chuyên môn hoặc trả lời câu hỏi trực tiếp nhằm đánh giá mức độ hiểu thực chất. Phản hồi của giảng viên cần giúp sinh viên nhận diện khoảng cách giữa kết quả hiện tại và mục tiêu học tập, đồng thời chỉ ra bước cải thiện tiếp theo. Trong những trường hợp sinh viên sử dụng câu trả lời thiếu chính xác của GenAI, giảng viên nên hướng dẫn cách phát hiện lỗi, truy tìm nguồn và điều chỉnh lập luận. Việc phản hồi theo hướng phát triển năng lực sẽ giúp sinh viên hiểu rằng AI có thể hỗ trợ quá trình học nhưng không thay thế trách nhiệm nhận thức và đánh giá của người học.

2.2.5. Hoàn thiện điều kiện triển khai và đánh giá hiệu quả ứng dụng GenAI

Để ứng dụng GenAI đạt hiệu quả bền vững, cơ sở giáo dục đại học cần xây dựng hướng dẫn sử dụng thống nhất, bảo đảm khả năng tiếp cận công nghệ và hỗ trợ sinh viên có điều kiện học tập khác nhau. Các quy định cần làm rõ trách nhiệm của người học, giảng viên và đơn vị quản lý trong bảo mật dữ liệu, liêm chính học thuật, kiểm chứng thông tin và xử lý vi phạm. Đồng thời, cần khuyến khích chia sẻ các mô hình ứng dụng hiệu quả, tránh tình trạng mỗi học phần triển khai theo một cách thiếu thống nhất. Hiệu quả ứng dụng không nên chỉ được đánh giá qua tần suất sử dụng GenAI hoặc mức độ hài lòng của sinh viên. Cần kết hợp kết quả học tập, chất lượng sản phẩm, khả năng giải thích kiến thức, mức độ chủ động trong lập kế hoạch và năng lực tự đánh giá. Các nghiên cứu tiếp theo nên sử dụng dữ liệu khảo sát thực tế, kiểm định độ tin cậy và giá trị của thang đo, phân tích mô hình đo lường và mô hình cấu trúc, đồng thời kiểm tra hiệu ứng gián tiếp của động lực học tập bằng bootstrap. Nếu có điều kiện, nghiên cứu theo thời gian hoặc thiết kế bán thực nghiệm sẽ giúp làm rõ hơn chiều hướng quan hệ và hạn chế của dữ liệu cắt ngang.

III. KẾT LUẬN

GenAI mở ra khả năng hỗ trợ sinh viên tiếp cận tri thức, tổ chức hoạt động học tập và nhận phản hồi linh hoạt hơn, nhưng tác động đối với động lực và năng lực tự học phụ thuộc vào cách sử dụng, năng lực đánh giá thông tin và điều kiện sư phạm. Phân tích dữ liệu mô phỏng trong bài viết minh họa cách xem xét mối quan hệ giữa USE, PU, AIL, SUP, MOT và SDL; trong đó, động lực học tập có quan hệ cùng chiều với năng lực tự học trong mô hình hồi quy được xây dựng. Tuy nhiên, các kết quả này không đại diện cho bằng chứng khảo sát thực tế và cần được kiểm định bằng dữ liệu thu thập có quy trình rõ ràng. Để phát huy lợi ích của GenAI, cơ sở giáo dục cần phát triển năng lực sử dụng AI có trách nhiệm, thiết kế nhiệm vụ duy trì vai trò chủ động của sinh viên, tăng cường hướng dẫn và phản hồi của giảng viên, đồng thời đánh giá hiệu quả dựa trên tiến bộ học tập thực chất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Davis, F. D. (1989). Perceived usefulness, perceived ease of use, and user acceptance of information technology. MIS Quarterly, 13(3), 319-340. https://doi.org/10.2307/249008

Kasneci, E., Sessler, K., Küchemann, S., Bannert, M., Dementieva, D., Fischer, F., Gasser, U., Groh, G., Günnemann, S., Hüllermeier, E., Krusche, S., Kutyniok, G., Michaeli, T., Nerdel, C., Pfeffer, J., Poquet, O., Sailer, M., Schmidt, A., Seidel, T., ... Kasneci, G. (2023). ChatGPT for good? On opportunities and challenges of large language models for education. Learning and Individual Differences, 103, Article 102274. https://doi.org/10.1016/j.lindif.2023.102274

Ryan, R. M., & Deci, E. L. (2000). Self-determination theory and the facilitation of intrinsic motivation, social development, and well-being. American Psychologist, 55(1), 68-78. https://doi.org/10.1037/0003-066X.55.1.68

UNESCO. (2023). Guidance for generative AI in education and research. UNESCO. https://doi.org/10.54675/EWZM9535

Zimmerman, B. J. (2002). Becoming a self-regulated learner: An overview. Theory Into Practice, 41(2), 64-70. https://doi.org/10.1207/s15430421tip4102_2